

MY

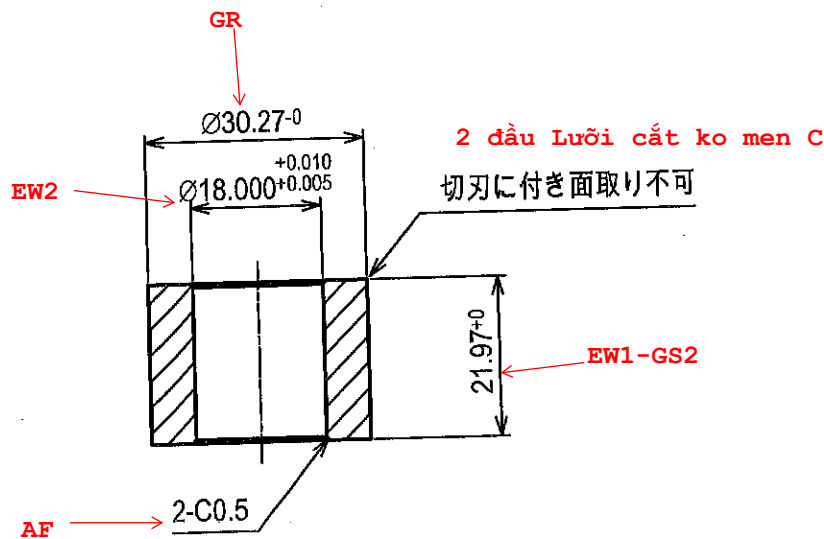
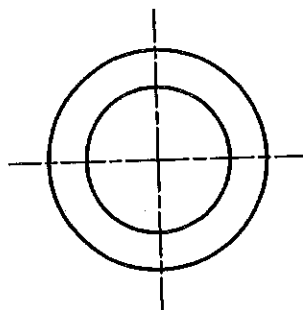
414.1010327

1 on 50687

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2014/11/13	新规设计		Wang_Gan_Pei	Zhang_Guang_Wu	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0
△						0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005
△						0.00	±0.01	0.00 +0	-0
△						0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01
						-0	±0.2	0.0 +0	-0
								0.0 -0	+0.1
									-0
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
						FINISH MARKS			
						G ▽▽▽			

1611 103 080.

IP



Fu, cap xoy Tra' n Tra' yuy

- 40
- 30
- 30
- 300
- 60
- 40
- 10

①

DWN.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Wang_Gan_Pei	Zhang_Guang_Wu	部品図	絞りボーズ
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	DRAW PUNCH
HRC 0°~0°		部品図	抽製冲頭
		部品図	抽制冲头
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
WC(D30/HIP)	2014/11/13	1:1	S935130

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

T23 x 36 x 36

SNO: **S935130**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 Ø32*25	EW1:60 ED:20 EW2:120 GR:120 GS:60 AF:20 KT